

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Sản phẩm bổ sung vốn lưu động dành cho khách hàng doanh nghiệp siêu nhỏ (Micro SME)

TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT

- Căn cứ Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài
- Căn cứ Quyết định số 35/17/QĐ-HĐQT v/v ban hành quy chế cấp tín dụng VCCB ngày 14/03/2017 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Bản Việt và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Căn cứ Quyết định số 96/2022/QĐ-TTĐVKH ngày 10/05/2022 ban hành quy định về phát triển và phê duyệt sản phẩm;
- Căn cứ Quyết định 265/2022/QĐ-NS ngày 28/09/2022 về việc Phân công nhiệm vụ của Tổng giám đốc đến Phó tổng giám đốc, Giám đốc và Phó Giám đốc các Khối;
- Theo đề nghị của Phòng Phát triển Kinh doanh tại tờ trình số 5823/2022TTR-0690108 ngày 05/07/2022 v/v Điều chỉnh Sản phẩm bổ sung vốn lưu động dành cho khách hàng doanh nghiệp siêu nhỏ (Micro SME).

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là “**Sản phẩm bổ sung vốn lưu động dành cho khách hàng doanh nghiệp siêu nhỏ (Micro SME)**”.

Điều 2. Điều khoản thi hành:

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày **01/11/2022**. Quyết định này thay thế Quyết định số 157/2022/QĐ-KHDN ngày 07/07/2022 v/v ban hành Sản phẩm bổ sung vốn lưu động dành cho khách hàng doanh nghiệp siêu nhỏ (Micro SME).
2. Đối với hồ sơ đã phê duyệt/đang trình cấp phê duyệt từ TT TĐTD KHTC trở lên trước ngày 01/11/2022: Được tiếp tục đánh giá điều kiện sản phẩm, tỷ lệ cấp tín dụng theo quy định 157/2022/QĐ-KHDN ngày 07/07/2022. Đối với việc vận hành giải ngân/ phát hành bảo lãnh/ quản lý sau cho vay thực hiện theo Quyết định này.

Điều 3. Các Ông/Bà Phó Tổng Giám đốc, Lãnh đạo các Khối/Phòng/Ban/Trung tâm tại Hội sở, Đơn vị kinh doanh và các cá nhân có liên quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Bản Việt chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TUQ.TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC KHỐI KHDN&ĐC**

Nơi nhận:

- Tổng Giám đốc (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Trang QLVB.
- Lưu P.HC, P.PTKD;

(Đã ký và đóng dấu)

NGUYỄN THÀNH NHÂN

SẢN PHẨM BỔ SUNG VỐN LƯU ĐỘNG DÀNH CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP SIÊU NHỎ (MICRO SME)

Ban hành kèm theo Quyết định số 322/2022/QĐ-KHDN Ngày 27/10/2022 của Tổng Giám đốc

TÀI LIỆU SỬ DỤNG NỘI BỘ

MỤC LỤC

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ CHỮ VIẾT TẮT.....	1
I. TÓM TẮT SẢN PHẨM.....	1
II. CHI TIẾT SẢN PHẨM.....	1
III. QUY TRÌNH THỰC HIỆN, DANH MỤC HỒ SƠ VÀ BIỂU MẪU.....	3
IV. HIỆU LỰC THI HÀNH.....	3

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ CHỮ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Giải thích từ viết tắt	Từ viết tắt	Giải thích từ viết tắt
BVB	Ngân hàng TMCP Bản Việt	TCTD	Tổ chức tín dụng
GNN	Giấy nhận nợ	TSBD	Tài sản bảo đảm
CTD	Cấp tín dụng	HDTG	Hợp đồng tiền gửi
STK	Sổ tiết kiệm	GTCG	Giấy tờ có giá
PTKD	Phát triển kinh doanh	QLRR	Quản lý rủi ro
TT QLTD	Trung tâm quản lý tín dụng	ĐVKD	Đơn vị kinh doanh
QHTD	Quan hệ tín dụng	TVGV	Thành viên góp vốn
VLD	Vốn lưu động	LTV	Tỷ lệ cấp tín dụng
TTĐG	Trung tâm định giá tài sản bảo đảm.	TT. TĐTD KHTC	Trung tâm thẩm định tín dụng khách hàng tổ chức
Từ ngữ	Giải thích từ ngữ		
Micro SME (MSME)	Doanh nghiệp thuộc phân khúc siêu nhỏ		
Thời gian thành lập	Là thời gian từ khi khách hàng thành lập đến thời điểm cấp tín dụng, được tính theo tháng in trên Giấy phép hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư (gọi chung là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp).		
Người điều hành	Là người điều hành chính hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp. Tùy từng trường hợp cụ thể, người điều hành có thể là chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, người đại diện pháp luật, thành viên góp vốn chính.		
Thành viên góp vốn chính	03 thành viên/ cổ đông góp vốn có tỷ lệ vốn góp/ sở hữu cổ phần nhiều nhất, trong đó vốn góp/ cổ phần của mỗi thành viên/ cổ đông góp vốn tối thiểu 5% vốn điều lệ.		

I. TÓM TẮT SẢN PHẨM

Sản phẩm cấp tín dụng dành cho khách hàng doanh nghiệp thuộc phân khúc khách hàng siêu nhỏ (sau đây gọi tắt là Khách hàng) có nhu cầu cấp tín dụng để bổ sung vốn kinh doanh ngắn hạn phục vụ hoạt động kinh doanh.

II. CHI TIẾT SẢN PHẨM

1	Đối tượng Khách hàng	- Khách hàng pháp nhân và cá nhân là chủ doanh nghiệp tư nhân thuộc phân khúc siêu nhỏ theo quy định phân nhóm khách hàng doanh nghiệp do BVB ban hành từng thời kỳ ¹ .
----------	-----------------------------	--

¹ Hiện theo Thông báo số 86/2020/TB-KHDN ngày 18/02/2020 và các sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)

2	Điều kiện Khách hàng	- Theo phụ lục 01 đính kèm.
3	Mục đích CTD	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung vốn lưu động - Bảo lãnh, L/C, chiết khấu hối phiếu kèm bộ chứng từ - Khách hàng không vay vốn để đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh mới (không phải ngành nghề kinh doanh hiện tại của khách hàng) / kinh doanh bất động sản.
4	Loại tiền CTD	- VNĐ hoặc ngoại tệ theo quy định của BVB ban hành từng thời kỳ.
5	Phương thức CTD	<ul style="list-style-type: none"> - Hạn mức. - Từng lần.
6	Thời hạn CTD	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn hạn mức tín dụng: Tối đa 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng tín dụng. - Thời gian cho vay theo hạn mức: Tối đa 12 tháng/ GNN và phù hợp với phương án cấp tín dụng của khách hàng. - Thời hạn cho vay từng lần: Tối đa 12 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên và phù hợp phương án cấp tín dụng của khách hàng.
7	Phương thức giải ngân	- Thực hiện theo quy định của BVB ban hành từng thời kỳ ² .
8	Điều kiện giải ngân	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo quy định của BVB ban hành từng thời kỳ³. - Giải ngân bù đắp: Thực hiện theo quy định cho vay khách hàng tổ chức⁴.
9	Tài sản bảo đảm	- Theo quy định do BVB ban hành từng thời kỳ. ⁵
10	Tỷ lệ cấp tín dụng	- Theo quy định do BVB ban hành từng thời kỳ⁵.
11	Mức CTD tối đa/ khách hàng	- Tối đa 8 tỷ đồng.
12	Thẩm định và lập phương án CTD	- Theo phụ lục 03 đính kèm.
13	Hạn mức phán quyết sản phẩm	- Hạn mức phán quyết của ĐVKD theo sản phẩm: bằng hạn mức phán quyết tối đa của ĐVKD theo quy định BVB ban hành từng thời kỳ ⁶ .
14	Điều kiện cấp tín dụng khác	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với thư bảo lãnh tạm ứng có giá trị ≤ 2 tỷ đồng: ĐVKD được phép giải tỏa tiền tạm ứng trên cơ sở phương án sử dụng tiền tạm ứng do khách hàng cung cấp. ĐVKD chịu trách nhiệm quản lý và theo dõi tình hình thực hiện Hợp đồng liên quan đến bảo lãnh đã phát hành. - Có cam kết trả nợ thay của 01 thành viên góp vốn là cá nhân có tỷ lệ góp vốn cao nhất (không áp dụng cho Doanh nghiệp tư nhân)
15	Mã sản phẩm	- 2.1.3.00.00 – VLD MSME
16	Ngoại lệ sản phẩm	- Các trường hợp không thỏa mãn Quy định sản phẩm này/ vượt phân quyền phán quyết: ĐVKD trình cấp thẩm quyền phê duyệt từ TT. TĐTD KHTC trở lên. Việc hạch toán mã sản phẩm thực hiện theo mục 15 Quy định này.
17	Kiểm tra giám sát sau	- Theo phụ lục 04 đính kèm.

² Hiện theo Quyết định số 59/2018/QĐ-QLRRTD ngày 30/03/2018 và các sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)

³ Hiện theo Quyết định số 263/2018/QĐ-QLRRTD ngày 12/11/2018 và các sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)

⁴ Hiện theo Quyết định số 166/2015/QĐ-TGD ngày 31/07/2015 và các sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)

⁵ Hiện theo quyết định số 218/2017/QĐ-QLRRTD và 219/2017/QĐ-QLRRTD ngày 17/10/2017 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)

⁶ Hiện theo Quyết định số 197/2021/QĐ-QLRRTD ngày 12/07/2021 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)

	CTD									
18	Biện pháp quản lý rủi ro	<ul style="list-style-type: none">- Giám sát nợ: Thực hiện theo Quy định giám sát nợ do BVB ban hành từng thời kỳ⁷.- Nợ quá hạn sản phẩm:<ul style="list-style-type: none">▪ Nợ quá hạn / Dư nợ sản phẩm tại ĐVKD và Nợ quá hạn / Dư nợ sản phẩm trên toàn hệ thống: tối đa không quá 3%.▪ Trường hợp nợ quá hạn nêu trên vượt mức 3%, Khối QLRR phối hợp Khối KHDN & ĐC đề xuất phương án xử lý.								
19	Điều khoản chuyển tiếp	<p>Điều khoản chuyển tiếp tiếp áp dụng đến hết ngày 31/12/2022.</p> <ul style="list-style-type: none">- Đối với khách hàng đang được cấp tín dụng theo Quyết định số 274/2018/QĐ-PTKD ngày 28/11/2018 và các sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có), khi thực hiện tái cấp theo sản phẩm này, ĐVKD được phê duyệt ngoại lệ về LTV khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:<ul style="list-style-type: none">▪ Số tiền CTD nằm trong thẩm quyền phê duyệt của ĐVKD▪ Không vượt quá tỷ lệ LTV đã duyệt và 100% giá trị TSBD▪ Khách hàng tuân thủ các cam kết/ thỏa thuận với BVB.▪ Khách hàng thỏa mãn quy định sản phẩm này, trừ điều kiện LTV.- Các trường hợp còn lại: Áp dụng theo quy định sản phẩm này.								
20	Danh mục phụ lục	<table><tr><td>Phụ lục 01</td><td>Điều kiện khách hàng</td></tr><tr><td>Phụ lục 02</td><td>Quy trình thực hiện, danh mục hồ sơ và biểu mẫu</td></tr><tr><td>Phụ lục 03</td><td>Hướng dẫn thẩm định và lập phương án vay vốn</td></tr><tr><td>Phụ lục 04</td><td>Kiểm tra, giám sát sau cấp tín dụng</td></tr></table>	Phụ lục 01	Điều kiện khách hàng	Phụ lục 02	Quy trình thực hiện, danh mục hồ sơ và biểu mẫu	Phụ lục 03	Hướng dẫn thẩm định và lập phương án vay vốn	Phụ lục 04	Kiểm tra, giám sát sau cấp tín dụng
Phụ lục 01	Điều kiện khách hàng									
Phụ lục 02	Quy trình thực hiện, danh mục hồ sơ và biểu mẫu									
Phụ lục 03	Hướng dẫn thẩm định và lập phương án vay vốn									
Phụ lục 04	Kiểm tra, giám sát sau cấp tín dụng									
III. QUY TRÌNH THỰC HIỆN, DANH MỤC HỒ SƠ VÀ BIỂU MẪU										
<ul style="list-style-type: none">- Theo Phụ lục 02 đính kèm.										
IV. HIỆU LỰC THI HÀNH										
1	Trong sản phẩm này, bất kỳ dẫn chiếu nào đến bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc các văn bản pháp luật thay thế chúng. Trường hợp pháp luật có sự thay đổi dẫn đến các nội dung của sản phẩm này trái với quy định pháp luật hoặc có những nội dung mà Quy định này không quy định thì thực hiện theo quy định của pháp luật và/hoặc quy định khác có liên quan của BVB.									
2	Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế sản phẩm này do Tổng Giám đốc xem xét, quyết định.									

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC KHỐI KHDN&ĐC**

(Đã ký và đóng dấu)

NGUYỄN THÀNH NHÂN

⁷ Hiện theo Quyết định số 186/2017/QĐ-QLRRTD ngày 15/08/2017 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)